

**TIN THỊ TRƯỜNG**

**Bản tin Kinh tế Ngành Giấy** được phát hành mỗi tuần một số vào thứ 3 hàng tuần, là thông tin tổng hợp về thị trường bột giấy, giấy, đầu tư và công nghệ ngành giấy trong nước và thế giới...

**Pulp and Paper Manufacturing Process**



**Pulp and Paper Industry**



**TRONG SỐ NÀY:**

- Thị trường trong nước
- Thông kê bột giấy toàn cầu tháng 1.2019
- Xuất khẩu gỗ và bột giấy Brazil năm 2018
- Bột giao ngay tại Mỹ giảm
- Giá bột nhập khẩu Trung Quốc
- Giá bột nhập khẩu Đông Nam Á và Đài Loan
- Giấy in và giấy bao gói Trung Quốc
- Valmet mua lại GL&V Bắc Mỹ
- Australia Paper phát điện từ phế liệu giấy

**TRONG NƯỚC:**

**Nhập khẩu:**

**Bột giấy:** (BHK, BEK, Acacia, BCTMP, Fluff Pulp, NBSK, BSK): Số lượng nhập 5.638 tấn, tăng 46,1% so tuần trước;

**Giấy loại thu hồi:** (OCC, ONP, OMG...): Số lượng nhập 52.667 tấn, tăng 19,0% so tuần trước;

**Xuất khẩu:**

**Giấy in, viết:** Số lượng xuất khẩu 212 tấn, tăng 120,0% so tuần trước;

**Giấy tissue:** Số lượng xuất khẩu 1.863 tấn, tăng 56,6% so tuần trước;

**Giấy làm bao bì:** Số lượng xuất khẩu 13.239 tấn, tăng 2,8% so tuần trước;

**Giấy vàng mã:** Số lượng xuất khẩu 2.501 tấn, giảm 6,3% so tuần trước.

**Nhập khẩu:**

**Giấy in báo:** Số lượng nhập khẩu 1.883 tấn, giảm 6,7% so tuần trước;

**Giấy in viết:** Số lượng nhập khẩu 4.837 tấn, tăng 11,5% so tuần trước;

**Giấy in, viết có tráng:** Số lượng nhập khẩu 4.089 tấn, tăng 2,9% so tuần trước;

**Giấy tissue:** Lượng nhập khẩu 1.265 tấn, tăng 12,6% so tuần trước;

**Giấy làm bao bì không tráng:** Số lượng nhập khẩu 15.455 tấn, tăng 3,7% so tuần trước;

**Giấy làm bao bì có tráng:** Số lượng nhập khẩu 16.061 tấn, tăng 8,0% so tuần trước;

**Giấy tự nhân bản:** Số lượng nhập 593 tấn, tăng 3,7% so tuần trước;

**Giấy ván thuốc lá điều:** Số lượng nhập 586 tấn, tăng 31,0% so tuần trước;

**Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm&trắng bạc:** Lượng nhập 578 tấn, tăng 13,0% so tuần trước;

**Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy:** Lượng nhập 708 tấn, tăng 15,9% so tuần trước;

**Giấy in chuyển nhiệt:** Số lượng nhập 770 tấn, tăng 21,9% so tuần trước.

**Giá giấy nội địa (VAT):**

**Giấy bao bì lớp sóng nội địa:** Loại 100-150 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, giá bán 10.200.000 – 11.000.000 VND/tấn;

**Giấy bao bì lớp mặt nội địa:** Loại 120-150 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, giá bán 11.500.000 – 11.900.000 VND/tấn;

**Giấy in, viết nội địa:** Loại 70 g/m<sup>2</sup> ISO>90 dạng cuộn, giá dao động từ 21.500.000 – 22.000.000 VND/tấn, có VAT;

**Giấy photocopy nội địa:** Loại A4 thương hiệu Clever UP 70 g/m<sup>2</sup> giá bán ~52.000 VND/ram, có VAT.

**Giấy tissue nội địa:** Làm khăn 2 lớp, dạng cuộn, định lượng 15,5 - 17g/m<sup>2</sup>, giá 28.500.000–29.500.000 VND/tấn.

**Giá giấy nhập khẩu:**

**Giấy in báo:** Dạng cuộn 45g 18.200.000 – 19.000.000 VND/tấn, tùy theo chất lượng;

**Giấy in viết:** Loại 70 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, 21.300.000 – 21.800.000 VND/tấn, tùy chất lượng, xuất xứ Đông Nam Á;

**Giấy tissue:** loại 13.5g/m<sup>2</sup>, 02 lớp làm khăn, 27.900.000 VND/tấn, xuất xứ Indonesia;

**Giấy làm bao bì ximăng:** Loại 80 g/m<sup>2</sup>, 17.000.000 – 17.800.000 VND/tấn;

**Giấy bao bì lớp sóng:** loại 105-150 g/m<sup>2</sup>, 11.200.000 – 11.500.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

**Giấy bao bì lớp mặt:** 130-150 g/m<sup>2</sup>, 12.600.000 – 13.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

**Giấy in tráng phủ hai mặt (Couche):** Loại 230 g/m<sup>2</sup>, 21.100.000 – 21.400.000 VND/tấn;

**Bìa ngà (Ivory Board):** Loại 210 – 300 g/m<sup>2</sup>, 20.400.000 – 21.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

**Bìa duplex có tráng một mặt:** Loại 300–400g/m<sup>2</sup>, 13.000.000-15.800.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á.

**Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy:** Dạng cuộn, xuất xứ Hàn Quốc, 27.500.000 – 28.000.000 VND/tấn.

**Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm, 33g/m<sup>2</sup>:** Dạng cuộn, loại 33g/m<sup>2</sup>, 29.400.000 - 30.000.000 VND/tấn.

*Nguồn (TCty Giấy VN, An Hòa, Việt Thắng, Xương Giang, Sài Gòn...).*

## Thống kê bột giấy toàn cầu tháng 01.2019

Hội đồng Sản phẩm Giấy và Bột giấy (PPPC) đã công bố số liệu thống kê bột giấy tháng 01.2019, tiêu thụ toàn cầu giảm 8,3% xuống còn 3,877 triệu tấn trong tháng 1, so với 4,229 triệu tấn trong tháng 12.2018. Giảm 2,2% so với tháng 01.2018, với mức 3,966 triệu tấn. Tỷ lệ tiêu thụ trên công

suất giảm từ 86% trong tháng 12 xuống còn 78% trong tháng 01.2019.

Tiêu thụ bột giấy kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK) tăng từ 1,859 triệu tấn trong tháng 12.2018 lên 1,991 triệu tấn trong tháng 01.2019, trong khi đó tiêu thụ bột giấy kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK) giảm từ 2,238 triệu tấn trong

tháng 12 xuống còn 1,763 triệu tấn trong tháng 01.2019.

Tồn kho của nhà sản xuất toàn cầu tăng ba ngày lên 52 ngày cung trong tháng 01 (41 ngày đối với BSK và 63 ngày đối với BHK) và cao hơn 22 ngày so với tháng 01 năm 2018.

RISI News/03.2019

## Xuất khẩu sản phẩm gỗ của Brazil đạt 10,7 tỷ USD trong năm 2018

Theo số liệu của Hiệp hội công nghiệp rừng Brazil (Ibá), xuất khẩu sản phẩm gỗ của nước này năm 2018 đạt 10,7 tỷ USD - tăng 25,5% so với năm 2017. Trong đó, xuất khẩu bột giấy tăng 31,5%, gỗ tấm tăng 7,3% và giấy tăng 8,3%.

Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu chính bột giấy của Brazil, năm 2018 đạt 3,5 tỷ USD, tăng 37,7% so với năm 2017. Phân khúc giấy vẫn tập trung vào xuất khẩu sang Mỹ Latinh,

nhì giá trị giao dịch tăng 13,0%. Châu Mỹ Latinh cũng là điểm đến chính của xuất khẩu gỗ tấm, với 179 triệu USD tăng 18,5%.

*Sản xuất:* Sản lượng bột giấy đạt mức cao, kết thúc năm với hiệu suất tốt nhất trong lịch sử của ngành. Trong mười hai tháng năm 2018, sản xuất bột giấy đạt 21,0 triệu tấn, tăng 7,7%. Sản xuất giấy các loại ổn định, với 10,4 triệu tấn; giấy tissue tăng 3,7%.

*Tiêu thụ trong nước:* Tiêu thụ gỗ tấm tăng 2,9% so với năm 2017, đạt mức 6,7 triệu m<sup>3</sup>. Trong khi đó, tiêu thụ giấy các loại ổn định ở mức 5,5 triệu tấn.

*Xuất khẩu:* Bột giấy là sản phẩm có kim ngạch tăng mạnh nhất trong năm 2018, đạt 11,5% với 14,7 triệu tấn được bán ra. Xuất khẩu gỗ tấm tăng 4,2% trong năm 2018, đạt mức 1,3 triệu m<sup>3</sup>.

FastMarkets RISI/03.2019

## Thị trường bột giao ngay NBSK và BHK tại Mỹ đều giảm

Thị trường bột giấy giao ngay tại Mỹ đang có biến động giảm 10-25 USD/tấn đối với cả bột gỗ mềm và gỗ cứng, do nguồn cung dồi dào và tồn kho của các nhà sản xuất ở mức cao.

Giá bột NBSK đến cuối tháng 2.2019 đã giảm 10 USD/tấn xuống còn 760-800 USD/tấn.

Trong khi đó giá niêm yết tháng 2 của NBSK đã giảm 25 USD/tấn xuống còn 1.380 USD/tấn. Bột SBSK giảm 5 USD/tấn, xuống 650-690 USD/tấn.

Giá bột BHK: Giá giao ngay BHK của Mỹ giảm 25 USD/tấn xuống còn 680-710 USD/tấn. Hiện

trường này đang có diễn biến trái chiều với bột BHK tại thị trường Trung Quốc. Giá niêm yết BHK tháng 2 của Mỹ giảm 20 USD/tấn xuống 1.180 USD/tấn. Theo P&PW, giá giao ngay BHK của Mỹ thấp hơn 41% so với giá niêm yết kỳ hạn.

FastMarkets RISI/03.2019

GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- Giá thông báo hai tuần một lần -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF.									
	Giá hiện hành			Năm trước	Giá hiện hành so với giá				
	01/03/19	08/02/19	25/01/19		02/03/18	hai tuần trước	tháng trước	năm trước	
<b>Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)</b>									
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	680-720	680-700	680-700	870-900	+10	+10	-185	-20,9%	
Thông radiata (Chile)	690-710	660-680	660-680	860-880	+30	+30	-170	-19,5%	
BSK Nga	670-690	640-660	640-660	870-890	+30	+30	-200	-22,7%	
<b>Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)</b>									
Bạch đàn	680-720	660-720	660-720	750-770	+10	+10	-60	-7,9%	
BHK Nga	670-680	640-650	640-650	760-770	+30	+30	-90	-11,8%	
<b>Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)</b>									
Chile, Bắc Mỹ	700-710	700-710	760-780	860-880	-	-65	-165	-19,0%	
Nga	655-690	655-690	725-760	815-840	-	-70	-155	-18,7%	
<b>BCTMP</b>									
Gỗ cứng (độ trắng 80)	540-550	530-550	530-550	680-700	+5	+5	-145	-21,0%	
Gỗ mềm (độ trắng 75)	520-530	500-530	500-530	670-680	+10	+10	-150	-22,2%	

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI ĐÀI LOAN - ĐÔNG NAM Á -- Giá thông báo một lần tháng -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF.</b>							
	<b>Giá hiện hành</b>			<b>Giá năm trước</b>	<b>Giá hiện hành so với giá</b>		
	<b>T2/2019</b>	<b>T1/2019</b>	<b>T12/2018</b>	<b>T2/2018</b>	<b>Tháng trước</b>	<b>năm trước</b>	
<b>Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)</b>							
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	680-720	690-730	760-800	890-930	-10	-210	-23,1%
Thông radiata (Chile)	675-715	655-695	755-795	885-925	+20	-210	-23,2%
Thông phương nam (Mỹ)	660-680	640-660	745-785	875-915	+20	-225	-25,6%
<b>Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)</b>							
Bạch đàn	625-685	615-685	650-685	760-795	+5	-123	-15,8%
Keo (Indonesia)	625-660	615-650	640-680	750-790	+10	-128	-16,6%
Gỗ cứng hỗn hợp phương bắc	625-650	615-640	640-675	750-785	+10	-130	-16,9%
Gỗ cứng hỗn hợp phương nam	625-650	615-640	640-675	750-785	+10	-130	-16,9%
<b>Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)</b>							
Chile, Bắc Mỹ	705-715	705-715	795-805	865-875	-	-160	-18,4%
<b>BCTMP</b>							
Gỗ dương	590-700	590-700	610-720	710-820	-	-120	-15,7%
Hỗn hợp	590-700	590-700	610-720	710-820	-	-120	-15,7%
Gỗ vân sam	590-700	590-700	590-700	710-820	-	-120	-15,7%

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ BỘT GIẤY SẢN XUẤT NỘI ĐỊA Ở TRUNG QUỐC - Giá tịnh, RMB/tấn, tại kho người bán, 16% VAT</b>								
	<b>Giá hiện hành</b>			<b>Giá năm trước</b>	<b>Giá hiện hành so với giá</b>			
	<b>01/03/19</b>	<b>22/02/19</b>	<b>15/02/19</b>	<b>02/03/18</b>	<b>Tuần trước</b>	<b>Tháng trước</b>	<b>năm trước</b>	
<b>Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)</b>								
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	5750-6200	5750-6200	5650-5950	7000-7200	-	+175	-1125	-15,8%
Thông radiata (Chile)	5700-5750	5700	5650	6800-6850	+25	+75	-1100	-16,1%
BSK Nga	5650	5600	5500	6400-6500	+50	+150	-800	-12,4%
<b>Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)</b>								
Bạch đàn	5650-5750	5650-5700	5500-5600	5700-5750	+25	+150	-25	-0,4%
BHK Nga	5600-5650	5600	5300-5400	5600-5700	+25	+275	-25	-0,4%
BHK Trung Quốc	5400-5600	5400-5600	5000-5350	5500-5600	-	+325	-50	-0,9%
<b>Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)</b>								
Chile, Bắc Mỹ	5900	5900	5900	7500	-	-	-1600	-21,3%
<b>Bột phi gỗ</b>								
Tre Trung Quốc	5500-5700	5350-5700	5400-5700	5900-6200	+75	+50	-450	-7,4%
Bã mía Trung Quốc	4500-4750	4500-4750	4500-4750	5000-5200	-	-	-475	-8,9%

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ GIẤY IN CAO CẤP VÀ GIẤY BAO GÓI TẠI ĐÔNG NAM Á -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF.</b>			
	<b>T02/2019</b>	<b>T01/2019</b>	<b>T02/2018</b>
Giấy in cao cấp			
UWF (70g)	780-820	780-820	845-920
CWF (100g)	730-800	730-800	740-790
Bìa hòm hộp			
Kraft-top-liner (125g)	490-550	490-550	540-580
Testliner (125)	410-460	410-460	450-500
Giấy lớp sóng tái chế (110g)	370-435	370-435	400-460
Bìa cứng			
Bìa duplex có tráng mặt xám (350g)	460-520	460-520	500-565
Bìa duplex có tráng mặt trắng (350g)	560-620	560-620	610-665

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ GIẤY THU HỒI NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF, tới các cảng chính ở Trung Quốc</b>								
	Giá hiện hành			Năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	01/03/19	22/02/19	15/02/19		02/03/18	Tuần trước	Tháng trước	năm trước
<b>Nhập từ Mỹ</b>								
Thùng sóng cũ - OCC (11)	140-150	140-150	160-170	135-140	-	-20	+8	+5,5%
OCC lựa đúp (12)	160-170	155-170	180-190	na	+3	-20	na	na
DLK (13)	190-200	190-200	200-220	255-265	-	-20	-65	-25,0%
Giấy vãn phòng chọn lựa (37)	250-260	250-260	270-280	280-300	-	-15	-35	-12,1%
Báo cũ chọn lựa (58) - SCN	180-190	180-190	180-200	na	-	-10	na	na
<b>Nhập từ Châu Âu</b>								
Thùng sóng cũ - OCC (1.05)	150-160	150-160	165-170	135-155	-	-18	+10	+6,9%
Báo cũ (2.01)	170-180	170-180	170-190	na	-	-10	na	na
<b>Nhập từ Nhật Bản</b>								
Thùng sóng cũ	160-170	160-170	165-170	155	-	-5	+10	+6,5%
Báo cũ	250-260	250-260	250-260	220-230	-	-5	+30	+13,3%

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ GIẤY IN và GIẤY BAO GÓI SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC -- RMB/tấn, Đông TQ, gồm thuế, kho nhà cung cấp</b>							
	Định lượng	Giá hiện hành		Năm trước	Giá hiện hành so với giá		
		T02-2019	T01-2019		T02-2018	tháng trước	năm trước
<b>Giấy in báo</b>							
Loại tiêu chuẩn	45-48.8g	5700-6100	5700-5900	5700	+100	+200	+3,5%
<b>Giấy tráng nhẹ (LWC)</b>							
Loại cuộn	58-64g	6300-6400	6100-6300	7100-7200	+150	-800	-11,2%
<b>Không tráng bột hóa (UCW)</b>							
Cuộn (100% bột hóa)	70-100g	6200-6500	6100-6400	7500-7700	+100	-1250	-16,4%
Cuộn (hỗn hợp hóa-co)	70-100g	5650-5950	5450-5750	7200-7500	+200	-1550	-21,1%
Cuộn (hỗn hợp gỗ-phi gỗ)	70-100g	5450-5750	5250-5550	6700-6900	+200	-1200	-17,6%
<b>Có tráng bột hóa (C2S)</b>							
Cuộn (chất lượng cao)	128g, 157g	5300-5700	5300-5700	7100-7400	-	-1750	-24,1%
Cuộn (thương phẩm)	128g, 157g	5100-5350	5100-5350	7000-7100	-	-1825	-25,9%

PPI Asia/03.2019

<b>GIÁ GIẤY BAO GÓI SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC -- RMB/tấn, Đông TQ, gồm thuế, kho nhà cung cấp</b>							
	Đ. lượng	Giá hiện hành		Năm trước	Giá hiện hành so với giá		
		T02-2019	T01-2019		T02-2018	tháng trước	năm trước
<b>Giấy bao gói (bột nguyên khai)</b>							
Kraftliner	175g	670-760	700-780	740-760	-25	-	-
<b>Giấy bao gói (bột tái chế)</b>							
Testliner	140g	4400-4630	4350-4520	4490-4730	+80	-95	-2,1%
Kraft-top liner	170g	4750-4950	4650-4900	4800-5030	+75	-65	-1,3%
White-top liner	140g	5450-5770	5450-5770	5690-5980	-	-225	-3,9%
Giấy lớp sóng độ cứng cao	120g	4000-4360	3900-4260	3850-4250	+100	+130	+3,2%
<b>Bìa cứng</b>							
Bìa ngà trắng (chất lượng cao)	250g	7000-7200	7000-7200	7400-7500	-	-350	-4,7%
Bìa ngà trắng (thương phẩm)	250g	4950-5200	4950-5200	6600-6900	-	-1675	-24,8%
Bìa trắng duplex mặt xám (cl. cao)	250g	4700-5050	4700-5050	5000-5250	-	-250	-4,9%
Bìa trắng duplex mặt xám (th. phẩm)	250g	4400-4650	4300-4650	4350-4750	+50	-25	-0,5%

PPI Asia/03.2019



## GL&V Bắc Mỹ trở thành một phần của Valmet

Nhằm tăng cường năng lực kinh doanh, Công ty Valmet đã mua lại GL&V Bắc Mỹ với trị giá 113 Eur. GL&V là nhà cung cấp toàn cầu về công nghệ và dịch vụ cho ngành công nghiệp giấy và bột giấy.

Công ty GL&V cung cấp các giải pháp công nghệ, các dịch vụ nâng cấp và tối ưu hóa, cải tạo và phụ tùng thay thế cho ngành công nghiệp giấy và bột giấy trên toàn cầu. Doanh thu của cơ sở GL&V Bắc Mỹ khoảng 160 triệu trong năm 2018 và lợi nhuận xấp xỉ

11%. Cơ sở bán lại của GL&V hiện đang có khoảng 630 nhân viên, trong đó khoảng 65% làm việc tại Bắc Mỹ, số còn lại chủ yếu ở châu Âu, Nam Mỹ và Ấn Độ.

GL&V không bán lại cho Valmet các lĩnh vực sau: Công nghệ rửa bột, khử lignin bằng ô-xy hóa và công nghệ tẩy trắng bột giấy của GL&V bằng giải pháp Compact Press®, công nghệ bơm bột và công nghệ nghiền bột hóa, cũng như Trung tâm nghiên cứu sản phẩm liên quan tại Karlstad Thụy Điển.

GL&V có một đội ngũ chuyên gia giỏi và là nhà cung cấp toàn cầu về công nghệ và dịch vụ cho ngành công nghiệp giấy và bột giấy. GL & V cung cấp các giải pháp công nghệ, nâng cấp và xử lý các dịch vụ tối ưu hóa, cải tạo và cung cấp thiết bị thay thế cho ngành công nghiệp giấy và bột giấy trên toàn cầu - đặc biệt là trong các công đoạn sản xuất bột hóa, chuẩn bị bột, xeo giấy và hoàn thiện.

*PaperAge/02.2019*

## Nine Dragons mở rộng công suất tại Mỹ và ở Trung Quốc

Nine Dragons Paper (Holdings) có kế hoạch bổ sung 2,05 triệu tấn/năm công suất giấy tái chế tại Trung Quốc vào cuối quý III.2019.

Công ty sẽ bắt đầu vận hành ba dây chuyền giấy lớp mặt tái chế mới vào cuối tháng 6.2019. BM công suất 350.000 tấn/năm tại Quanzhou, Fujian, BM 500.000 tấn/năm tại

Yongxin Hebei, và BM 600.000 tấn/năm tại Shenyang, Liaoning, dây chuyền còn lại tại Dongguan, Guangdong vào quý 3.2019.

Ngoài ra, tập đoàn này cũng đã và đang mở rộng công suất ra nước ngoài. Năm 2018, công ty con ND Paper tại Mỹ đã mua lại bốn cơ sở

giấy và bột giấy của Mỹ với tổng công suất khoảng 1,3 triệu tấn/năm.

Nine Dragons tuyên bố rằng họ đang thực hiện một loạt các dự án nâng cấp thiết bị và mở rộng công suất cho bốn nhà máy tại Mỹ, dự định tăng tổng công suất khoảng 1,4 triệu tấn/năm vào cuối năm 2021.

*RISI News/03.2019*

## Zhejiang Hehong Green Paper khởi chạy dây chuyền 200.000 tấn/năm tại Zhoushan

Zhejiang Hehong Green Paper bắt đầu chạy thử nghiệm dây chuyền giấy bao bì hộp tái chế công suất 200.000 tấn/năm tại Dinghai Industrial Zone, đảo Zhoushan, Zhejiang.

Dây chuyền do Jiangsu Huadong Paper Machinery cung cấp, có khả

năng rộng giấy sau cắt biên 5,68 m, tốc độ thiết kế 700 m/phút. Sản phẩm của dây chuyền là giấy lớp sóng giữa chất lượng cao, định lượng cơ bản 90-140 g/m<sup>2</sup>.

Theo công ty, khoảng 40% nguồn RCP được thu gom trên đảo và 60%

RCP còn lại sẽ được vận chuyển từ Shanghai.

Đảo Zhoushan nằm ở cửa sông Yangtze, thuộc tỉnh Zhejiang là đảo lớn thứ 3 Trung Quốc, sau Hainan và Chongming.

*PPI Asia/03.2019*

## Australian Paper xây dựng nhà máy phát điện từ phế thải tại nhà máy giấy

Công ty Australian Paper thông báo dự án xây dựng một nhà máy nhiệt điện từ nguồn phế thải (EfW) tại nhà máy giấy Maryvale ở bang Victoria, Australia.

Trị giá dự án khoảng 600 triệu AUD (425 triệu USD), dự kiến đưa vào hoạt động năm 2024. Khi dự án đi vào hoạt động, nhà máy giấy Maryvale sẽ không còn phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu hóa thạch cho phát điện.

Hàng năm, nhà máy điện sẽ cần khoảng 650.000 tấn rác để làm nhiên liệu.

*PPI Asia/03.2019*

### VPPA News

Tuần tin về thị trường bột giấy, giấy và thông tin đầu tư, công nghệ trong nước và thế giới của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam.

#### Ban Biên tập

Nguyễn Việt Đức, VPPA; Hoàng Trung Sơn, VPPA; Đặng Văn Sơn, VPPA; Vũ Thị Hồng Mân, VPPA; Cao Đức Bằng, VINAPACO; Lê Huy Dur, VPPA.